

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN GÒ VẤP

Số: 1688/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Gò Vấp, ngày 03 tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về điều chỉnh, bổ sung dự toán chi ngân sách năm 2025

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 131/2020/QH14 ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị định số 33/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Nghị quyết số 131/2020/QH14 ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non (Nghị định 105/2020/NĐ-CP);

Căn cứ Nghị quyết số 12/2024/NQ-HĐND ngày 16 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định mức học phí đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập từ năm học 2024 - 2025 và các năm học tiếp theo trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (Nghị quyết số 12/2024/NQ-HĐND);

Căn cứ Nghị quyết số 13/2024/NQ-HĐND ngày 16 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh từ năm học 2024 - 2025 (Nghị quyết số 13/2024/NQ-HĐND);

Căn cứ Quyết định số 5828/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố về giao chỉ tiêu dự toán thu-chi ngân sách Nhà nước



năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 3089/QĐ-UBND ngày 08 tháng 8 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2024 - 2025 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Công văn số 5307/SGDĐT-KHTC Ngày 26 tháng 8 năm 2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn thu, sử dụng học phí và các khoản thu khác; thực hiện chế độ miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2024-2025 của các cơ sở giáo dục và đào tạo công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 4128/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân quận về phân giao chỉ tiêu dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2025; giao số thu phí, lệ phí, thu khác năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 4134/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp về giao dự toán chi ngân sách năm 2025; giao số thu phí, lệ phí, thu khác năm 2025;

Căn cứ Công văn số 5828/UBND-TCKH-GDĐT ngày 17 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân quận về thu, sử dụng học phí và các khoản thu khác của cơ sở giáo dục và đào tạo công lập thuộc quận năm học 2024 - 2025;

Theo đề nghị của đơn vị và ý kiến của phòng Tài chính - Kế hoạch tại Tờ trình số 595/TTr-TCKH ngày 23 tháng 5 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung dự toán chi ngân sách năm 2025 cho các cơ sở giáo dục công lập thuộc quận năm học 2024-2025, với tổng số tiền: 1.403.913.000 đồng (Một tỷ bốn trăm lẻ ba triệu chín trăm mười ba ngàn đồng).

(Đính kèm phụ lục và số liệu chi tiết)

Nguồn kinh phí: từ dự toán chưa phân giao của Ủy ban nhân dân quận do Phòng Tài chính - Kế hoạch đang quản lý.

Điều 2. Điều chỉnh giảm dự toán chi ngân sách năm 2025 của Phòng Tài chính - Kế hoạch, tổng số tiền: 1.403.913.000 đồng (Một tỷ bốn trăm lẻ ba triệu chín trăm mười ba ngàn đồng)

Điều 3. Thủ trưởng đơn vị nêu ở Điều 1 có trách nhiệm quản lý theo dõi, kiểm tra, sử dụng đúng mục đích nguồn kinh phí này và quyết toán đúng quy định hiện hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận, Trưởng phòng Tài chính-Kế hoạch, Trưởng phòng Phòng Giao dịch số 6 - Kho bạc Nhà nước Khu

vực II, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị nêu ở Điều 1, Điều 2 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. ✓

Nơi nhận:

- Như điều 4; “để thực hiện”
- Sở Tài chính;
- TT Quận ủy;
- UBMTTQ VN quận;
- Các PCT UBND quận;
- PGD số 6 – KBNN KV II;
- Các phòng ban chuyên môn;
- Trang thông tin điện tử (để công khai);
- Lưu: VT.



CHỦ TỊCH

Nguyễn Trí Dũng





PHỤ LỤC ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025
(Ban hành kèm theo Quyết định số **1688** /QĐ-UBND ngày **03/ 6** /2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp)

Đơn vị tính : đồng

S T T	Mã số đơn vị sử dụng ngân sách	CLK	Đơn vị	TỔNG SỐ	Kinh phí tự chủ (Nguồn 13)	Kinh phí không tự chủ (Nguồn 12)			
						Kinh phí hoạt động trường lớp	Cấp bù học phí	Kinh phí dạy hòa nhập khuyết tật	Kinh phí đào tạo thường xuyên
A	B	C	D	I=2+3+4+5+6	2	3	4	5	6
			Chi sự nghiệp giáo dục	1.403.913.000	929.376.000	(24.300.000)	(230.400.000)	704.037.000	25.200.000
1	1127053	622-075	TT. GDNN-GD TX	(982.800.000)			(982.800.000)		
2	1038561	622-071	Trường Mầm non Hoa Quỳnh	10.656.000	7.776.000	-	2.880.000		
3	1038559	622-071	Trường Mầm non Hoa Lan	26.064.000	24.624.000	0	1.440.000		
4	1038329	622-071	Trường Mầm non Hoà Mĩ	(307.980.000)	(200.880.000)	(13.500.000)	(93.600.000)		
5	1037238	622-071	Trường Mầm non Sơn Ca	81.648.000	81.648.000	-	-		
6	1037892	622-071	Trường Mầm non Thủy Tiên	-	-	-	-		
7	1043454	622-071	Trường Mầm non Hướng Dương	-	-	-	-		
8	1043126	622-071	Trường Mầm non Sen Hồng	9.072.000	9.072.000	-	-		
9	1043450	622-071	Trường Mầm non Hoa Sen	(130.428.000)	(81.648.000)	-2.700.000	(46.080.000)		
10	1043447	622-071	Trường Mầm non Hoàng Yến	11.664.000	11.664.000	-	-		
11	1043044	622-071	Trường Mầm non Ngọc Lan	29.952.000	(10.368.000)	-	40.320.000		
12	1043448	622-071	Trường Mầm non Quỳnh Hương	9.216.000	7.776.000	-	1.440.000		
13	1080674	622-071	Trường Mầm non Nhật Quỳnh	(19.440.000)	(19.440.000)	-	-		
14	1069692	622-071	Trường Mầm non Anh Đào	-	-	-	-		
15	1043125	622-071	Trường Mầm non Hoa Hồng	-	-	-	-		
16	1071100	622-071	Trường Mầm non Hồng Nhung	14.580.000	12.960.000	(2.700.000)	4.320.000		
17	1037234	622-071	Trường Mầm non Vàng Anh	13.248.000	10.368.000	-	2.880.000		
18	1080928	622-071	Trường Mầm non Hương Sen	6.480.000	6.480.000	-	-		
19	1118061	622-071	Trường Mầm non Hạnh Thông Tây	31.104.000	31.104.000	-	-		
20	1120226	622-071	Trường Mầm non An Nhơn	-	-	-	-		
21	1120463	622-071	Trường Mầm non Hoa Phượng Đỏ	(18.720.000)	(25.920.000)	-	7.200.000		
22	1124079	622-071	Trường Mầm non Sóc Nâu	(13.392.000)	(9.072.000)	-	(4.320.000)		
23	1131667	622-071	Trường Mầm non Mai Vàng	16.632.000	22.032.000	(5.400.000)	-		
24	1069263	622-072	Trường Tiểu học Nguyễn Thượng Hiền	(1.440.000)	(1.440.000)	-			
25	1067994	622-072	Trường Tiểu học Trần Văn Ôn	32.961.000	-	-		32.961.000	
26	1067996	622-072	Trường Tiểu học Phạm Ngũ Lão	(2.880.000)	(2.880.000)	-			
27	1069270	622-072	Trường Tiểu học Hạnh Thông	(5.040.000)	(5.040.000)	-			
28	1038960	622-072	Trường Tiểu học Nguyễn Viết Xuân	112.588.000	(27.360.000)	-		139.948.000	
29	1038317	622-072	Trường Tiểu học Trần Quốc Toản	(720.000)	(720.000)	-			
30	1038325	622-072	Trường Tiểu học Kim Đồng	(720.000)	(720.000)	-			

S T T	Mã số đơn vị sử dụng ngân sách	CLK	Đơn vị	TỔNG SỐ	Kinh phí tự chủ (Nguồn 13)	Kinh phí không tự chủ (Nguồn 12)			
						Kinh phí hoạt động trường lớp	Cấp bù học phí	Kinh phí dạy hòa nhập khuyết tật	Kinh phí đào tạo thường xuyên
A	B	C	D	1=2+3+4+5+6	2	3	4	5	6
31	1043444	622-072	Trường Tiểu học Chi Lăng	(2.880.000)	(2.880.000)	-			
32	1043446	622-072	Trường Tiểu học Nguyễn Thị Minh Khai	(2.880.000)	(2.880.000)	-			
33	1043449	622-072	Trường Tiểu học Lương Thế Vinh	2.880.000	2.880.000	-			
34	1038322	622-072	Trường Tiểu học An Hội	(7.920.000)	(7.920.000)	-			
35	1038319	622-072	Trường Tiểu học Lam Sơn	(5.040.000)	(5.040.000)	-			
36	1037138	622-072	Trường Tiểu học Lê Thị Hồng Gấm	(3.600.000)	(3.600.000)	-			
37	1069269	622-072	Trường Tiểu học Lê Hoàn	-	-	-			
38	1067990	622-072	Trường Tiểu học Phan Chu Trinh	316.649.000	(1.440.000)	-		318.089.000	
39	1043443	622-072	Trường Tiểu học Võ Thị Sáu	14.400.000	14.400.000	-			
40	1069268	622-072	Trường Tiểu học Trần Quang Khải	(6.480.000)	(6.480.000)	-			
41	1038958	622-072	Trường Tiểu học Hoàng Văn Thụ	-	-	-			
42	1120707	622-072	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	38.241.000	4.320.000	-		33.921.000	
43	1122167	622-072	Trường Tiểu học Lê Đức Thọ	-	-	-			
44	1122166	622-072	Trường Tiểu học Lê Văn Thọ	287.763.000	262.080.000	-		25.683.000	
45	1043128	622-073	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi	18.195.000	(7.560.000)	-	(7.560.000)	33.315.000	
46	1043130	622-073	Trường THCS Gò Vấp	186.188.000	78.840.000	-	78.840.000	28.508.000	
47	1067963	622-073	Trường THCS Quang Trung	270.000.000	135.000.000	-	135.000.000		
48	1067964	622-073	Trường THCS Phạm Văn Chiêu	238.680.000	119.340.000		119.340.000		
49	1043127	622-073	Trường THCS Phan Tây Hồ	(63.720.000)	(31.860.000)		(31.860.000)		
50	1067966	622-073	Trường THCS An Nhơn	113.790.000	41.040.000		41.040.000	31.710.000	
51	1043129	622-073	Trường THCS Nguyễn Du	359.640.000	179.820.000		179.820.000		
52	1052167	622-073	Trường THCS Nguyễn Văn Nghi	71.280.000	35.640.000		35.640.000		
53	1051807	622-073	Trường THCS Lý Tự Trọng	223.560.000	111.780.000		111.780.000		
54	1051800	622-073	Trường THCS Thông Tây Hội	7.560.000	3.780.000		3.780.000		
55	1051801	622-073	Trường THCS Trương Sơn	(15.120.000)	(7.560.000)		(7.560.000)		
56	1109860	622-073	Trường THCS Nguyễn Trãi	28.080.000	14.040.000		14.040.000		
57	1118001	622-073	Trường THCS Tân Sơn	375.262.000	157.680.000		157.680.000	59.902.000	
58	1120706	622-073	Trường THCS Huỳnh Văn Nghệ	(122.040.000)	(61.020.000)		(61.020.000)		
59	1124016	622-073	Trường THCS Phan Văn Trị	133.920.000	66.960.000		66.960.000		
60	1038803	622-072	Trường giáo dục chuyên biệt Hy Vọng	25.200.000					25.200.000
			TỔNG	1.403.913.000	929.376.000	(24.300.000)	(230.400.000)	704.037.000	25.200.000



PHỤ LỤC ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp)

STT	MÃ DVSDNS	C-K	NỘI DUNG	Tổng cộng	Kinh phí tự chủ (NGUỒN 13)	Kinh phí không tự chủ (NGUỒN 12)
A	B	C	D	1=2+3	2	3
			SN GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO	(1.403.913.000)	-	(1.403.913.000)
1	1038144		Phòng Tài chính - Kế hoạch	(1.403.913.000)	-	(1.403.913.000)
		618-098	Dự toán chưa xác định được đơn vị thực hiện giao Phòng Tài chính – Kế hoạch quản lý	(1.403.913.000)		(1.403.913.000)
			Tổng cộng	(1.403.913.000)	-	(1.403.913.000)